



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 769/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 26 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 62/TTr-SKHCN ngày 26 tháng 02 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 15 thủ tục hành chính ban hành mới; 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và 19 thủ tục hành chính bãi bỏ trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc phạm vi chức

năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 1263/QĐ-BKHCHN ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định 3307/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành. *th*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, V3, PVHCC<sup>(KSTT)</sup>. *ph*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG VÀ 19 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẮT BỎ TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG  
CHẤT LƯỢNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(Kèm theo Quyết định số: 769/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (15 TTHC)**

| STT                                                                                                                     | Tên TTHC                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                          | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                         | Mã số TTHC                                                                                          |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |                                              |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 1263/QĐ-BKHCN ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |                                                                                                     |                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |                                              |
| 1                                                                                                                       | Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2<br>1.014879.H21 | - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 10 ngày làm việc<br>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 07 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;<br>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                             | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                         |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                              |
|     |                                                                                                                                    |                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      | trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |                                              |
| 2   | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2<br>1.014880.H21 | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.<br>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;<br>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. | Cấp tỉnh        | x                                            |
| 3   | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường                                                                   | 03 ngày làm việc.                                                                                                      | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                                                                                                                                                                | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức                                                                                                                                                                                                                                        | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                | Thời hạn giải quyết                                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                         | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                              |                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                        |                 |                                              |
|     | 1.014881.H21                                                            |                                                                                                                  | công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trục tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. |                                   |                       |                      | chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;<br>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. |                 |                                              |
| 4   | Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường<br><br>1.014882.H21 | Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 10 ngày làm việc<br>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc | - Trục tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trục tuyến: qua Cổng Dịch vụ                                                                  | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;<br>- Nghị định số                                                              | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                             | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                    | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                          |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                 |                                              |
|     |                                                                                                                     |                                                                                                                    | công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia.                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      | 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;<br>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.                                                                                                                                          |                 |                                              |
| 5   | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường<br><br>1.014883.H21 | Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.<br>Trường hợp hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ: 05 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;<br>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                               | Thời hạn giải quyết                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                             |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |                                              |
|     |                                                                                                        |                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                   |                       |                      | trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                 |                                              |
| 6   | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường<br><br>1.014885.H21 | 03 ngày làm việc                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</li> <li>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia</li> </ul> | Có                                | Toàn trình            | -                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;</li> <li>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;</li> <li>- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11/11/2011;</li> <li>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026;</li> <li>- Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul> | Cấp tỉnh        | x                                            |
| 7   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất                                          | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc; | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                    | Thời hạn giải quyết                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                    | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                  |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     | lượng sản phẩm, hàng hóa<br><br>1.014888.H21                                                                                | - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc.                                                                     | công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia                                        |                                   |                       |                      | - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.                                                             |                 |                                              |
| 8   | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><br>1.014889.H21 | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc;<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                        |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     |                                                                                                                                   |                                                                                                                            | dụng định danh quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
| 9   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><br>1.014891.H21                    | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.                                                              | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | Cấp tỉnh        | x                                            |
| 10  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc;<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.                                                                                                                                                                  | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ                                                                                       | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                                                                |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     | vực quy chuẩn kỹ thuật<br><br>1.014892.H21                                                                                                                                                |                                                                                                                            | - Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia                                                                                                                                |                                   |                       |                      | thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.                                                                                                                                     |                 |                                              |
| 11  | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật<br><br>1.014893.H21 | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc;<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | Cấp tỉnh        | x                                            |
| 12  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động                                                                                                                                         | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được                                                                                      | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục                                                                                                                                                                                                                                             | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số                                                                                                                                                                                | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                    | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                 |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     | giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật<br><br>1.014894.H21 | hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.                                                                                                    | vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia                          |                                   |                       |                      | 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.                                            |                 |                                              |
| 13  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý<br><br>1.014895.H21                    | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc;<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                 | Thời hạn giải quyết                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                                                            | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                               |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     |                                                                                                                          |                                                                                                                            | dụng định danh quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                   |                       |                      |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
| 14  | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý<br><br>1.014896.H21 | - Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định: 03 ngày làm việc;<br>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: 07 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | Cấp tỉnh        | x                                            |
| 15  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý                                  | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.                                                              | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.                                                                                                                                                                  | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11.<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số                                                                              | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT                       | Tên TTHC      | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                             | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                               | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---------------------------|---------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                           | Mã số TTHC    |                     |                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      |                                                                              |                 |                                              |
|                           | 1.0148967.H21 |                     | - Trực tuyến: qua Công Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ:<br><a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia |                                   |                       |                      | 70/2025/QH15.<br>- Nghị định số 22/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. |                 |                                              |
| <b>Tổng cộng: 15 TTHC</b> |               |                     |                                                                                                                                                               |                                   |                       |                      |                                                                              |                 |                                              |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC)

| STT                                                                                                                              | Tên TTHC                                                        | Thời hạn giải quyết                                                      | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                   | Căn cứ pháp lý                                                                     | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                                  | Mã số TTHC                                                      |                                                                          |                                                   |                                   |                       |                      |                                             |                                                                                    |                 |                                              |
| Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1263/QĐ-BKHCN ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |                                                                 |                                                                          |                                                   |                                   |                       |                      |                                             |                                                                                    |                 |                                              |
| 1                                                                                                                                | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, | - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 05 ngày làm việc.<br>- Trường hợp hồ sơ không | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục  | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Trình tự thực hiện<br>- Thành phần, hồ sơ | - Luật Đo lường số 04/2011/QH13;<br>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ | Cấp tỉnh        | X                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                          |                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                          |                                   |                       |                      |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                              |
|     | hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường 3.000450.H21                  | hợp lệ: 03 ngày làm việc.                                                            | vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia |                                   |                       |                      | - Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;<br>- Căn cứ pháp lý. | sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.<br>- Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. |                 |                                              |
| 2   | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử | - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: + 04 ngày làm việc đối với trường hợp (1) thu hẹp phạm vi | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành                                                                                                                                                                                 | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Trình tự thực hiện<br>- Cơ quan giải quyết TTHC;<br>- Thành                            | - Luật Đo lường số 04/2011/QH13;<br>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật                                                                                                                                                                                                                   | Cấp tỉnh        | X                                            |

| STT | Tên TTHC                                           | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                       |                      |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |                                              |
|     | nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường 3.000463.H21 | hoặc giấy chứng nhận đăng ký được cấp dưới dạng bản giấy bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng), + 05 ngày làm việc đối với các trường hợp: (2) đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực và tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã hoàn thành các biện pháp khắc phục; (3) bổ sung lĩnh vực, mở rộng phạm vi; (4) điều | chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia |                                   |                       |                      | phần, hồ sơ<br>- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai;<br>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;<br>- Căn cứ pháp lý. | số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.<br>- Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                                             | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                          | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                              | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                          |                                                                                                                                                                             |                 |                                              |
|     |                                                                                                                      | chỉnh thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp (sau khi hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, chia, tách, chuyển đổi hình thức, thay đổi địa chỉ, địa điểm hoạt động).<br>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc. |                                                                                                            |                                   |                       |                      |                                                                                                          |                                                                                                                                                                             |                 |                                              |
| 3   | Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện | 03 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                              | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính | Có                                | Toàn trình            | -                    | - Trình tự thực hiện;<br>- Cách thức thực hiện;<br>- Thành phần, số lượng hồ sơ;<br>- Cơ quan giải quyết | - Luật Đo lường số 04/2011/QH13;<br>- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa | Cấp tỉnh        | X                                            |

| STT                       | Tên TTHC                           | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Nội dung sửa đổi, bổ sung  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---------------------------|------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                           | Mã số TTHC                         |                     |                                                                                                                                                                                |                                   |                       |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|                           | đo, chuẩn đo lường<br>3.000452.H21 |                     | công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia |                                   |                       |                      | TTHC;<br>- Căn cứ pháp lý. | phương số 72/2025/QH15;<br>- Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016;<br>- Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 của Chính phủ.<br>- Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. |                 |                                              |
| <b>Tổng cộng: 03 TTHC</b> |                                    |                     |                                                                                                                                                                                |                                   |                       |                      |                            |                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (19 TTHC)

| STT | Tên TTHC                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                   |                                                                                     |
| 1   | Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2<br><b>3.000469</b>                       | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 2   | Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2<br><b>3.000470</b> | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                 |                                                                                     |
| 3   | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường<br><b>3.000471</b>                                        | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 4   | Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường<br><b>3.000488</b>                                                     | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 5   | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường<br><b>3.000472</b>         | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 6   | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường<br><b>3.000473</b>                      | Thông tư số 54/2025/TT BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 7   | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><b>3.000453</b>                  | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 8   | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><b>3.000451</b> | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 9   | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><b>3.000454</b>              | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 10  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý<br><b>3.000461</b>                     | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 11  | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý<br><b>3.000462</b>    | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 12  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý<br><b>3.000464</b>                 |                                                                                     |
| 13  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><b>3.000458</b>                   | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |
| 14  | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa                     | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                            |

| STT                       | Tên TTHC                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                     |
|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|                           | Mã số TTHC                                                                                                                                        |                                                                                    |
|                           | <b>3.000460</b>                                                                                                                                   |                                                                                    |
| 15                        | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa<br><b>3.000459</b>                                      | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                           |
| 16                        | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng<br><b>3.000455</b>                  | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                           |
| 17                        | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng<br><b>3.000456</b> | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                           |
| 18                        | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng<br><b>3.000457</b>              | Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ                                           |
| 19                        | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia.<br><b>2.001269</b>                                                     | Thông tư số 03/2026/TTBKHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ |
| <b>Tổng cộng: 19 TTHC</b> |                                                                                                                                                   |                                                                                    |